TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CHƠN THÀNH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/DS-ST
Ngày: 30/01/2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Ngọc
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Đính
Bà Lương Thị Thu An

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hồ Thị Thanh Phương - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành tham gia phiên tòa*:** Bà Đỗ Thị Nở - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 159/2023/TLST-DS ngày 31/10/2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXX-ST ngày 02/01/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2024/QĐST-DS ngày 17/01/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1990; Địa chỉ cư trú: Ấp S, xã N, thị xã C, tỉnh Bình Phước.

Đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Hồ Phương T, sinh năm 1985; Địa chỉ cư trú: Khu phố P, phường T1, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Ngô Thị Bích H1, sinh năm 1990; Địa chỉ cư trú: Tổ 3, khu phố 3, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Hồ Phương Tâm trình bày:

Vào ngày 17/3/2022 bà H có cho bà H1vay số tiền 300.000.000 đồng để bà H1làm ăn. Khi vay hai bên có làm hợp đồng vay tiền, bà H1hẹn đến ngày 17/9/2022 sẽ thanh toán cho bà Hà. Về lãi suất hai bên có thỏa thuận là 3%/ tháng, nhưng không có ghi vào hợp đồng vay tiền. Đến hạn không thấy bà H1thanh toán cho bà H, nên bà H đã nhiều lần yêu cầu bà H1trả tiền nhưng bà H1không trả. Trong quá trình vay bà H1có trả cho bà H được 40.000.000 đồng tiền lãi và kể từ 01/4/2023 cho đến nay bà H1không thanh toán

cho bà H được khoản gốc và tiền lãi nào.

Nay bà H yêu cầu bà H1phải trả cho bà H số tiền gốc 300.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tạm tính từ ngày 01/4/2023 đến ngày 01/8/2023 với lãi suất là 3% là 36.000.000 đồng và tiếp tục tính lãi kế từ ngày 02/8/2023 cho đến khi có quyết định, bản án của Tòa án và yêu cầu bà H1thanh toán 01 lần.

Bị đơn bà Ngô Thị Bích H1trình bày*:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho bà H1, thông báo thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập hợp lệ cho bà H1đến Tòa án làm việc, tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà H1vắng mặt, không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu nào của bà Huệ

Tại phiên tòa

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn thay đổi đối với phần lãi từ 3%/tháng xuống 0.83%/tháng và không cung cấp thêm chứng cứ, tài liệu gì thêm.

Bị đơn bà H1vắng mặt không có lý do và không cung cấp thêm chứng cứ, tài liệu gì thêm.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc chấp hành theo quy định pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc chấp hành theo quy định pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành theo quy định pháp luật của các đương sự, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật tại các Điều 69, 70 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn không chấp đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử:

Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà. Buộc bà H1phải trả cho bà H số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng. Đối với tiền lãi các bên có thỏa thuận với lãi suất là 3%/tháng. Phía bị đơn bà H1đã trả cho bà H được 40.000.000 đồng tiền lãi kể từ ngày 17/3/2022 đến ngày 30/3/2023 là phù hợp với quy định pháp luật. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi về phần lãi từ 3%/tháng xuống 0.83%/tháng. Việc thay đổi về lãi của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về lãi Suất là 0.83%/tháng.

Buộc bà H1phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và nội dung vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H khởi kiện bà Ngô Thị Bích H1vay tiền, Hội đồng xét xử

xác định đây là tranh chấp về dân sự, trong đó quan hệ pháp luật các bên tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Chương XVI mục 4 và các quy định khác có trong Bộ luật dân sự năm 2015.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Do tranh chấp về hợp đồng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo thủ tục tố tụng dân sự và khi giải quyết Toà án có thẩm quyền giải quyết là Toà án nhân dân cấp huyện. Bị đơn bà Ngô Thị Bích H1có địa chỉ tại tổ 3, khu phố 3, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Do bà Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện bà Ngô Thị Bích H1nên Tòa án xác định bà H là nguyên đơn, bà H1là bị đơn theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1]. Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cung cấp: Vào ngày 17/3/2022 bà H có cho bà H1vay tổng số tiền 300.000.000 đồng. Hai bên có làm hợp đồng cho cá nhân vay tiền (bên A là bên cho vay - bà Nguyễn Thị Hà; bên B là bên vay tiền - bà Ngô Thị Bích Huệ) có ký tên và lăn tay. Thời hạn vay là 06 tháng. Đến hạn trả nợ, bà H1không trả nợ cho bà H mà chỉ trả được phần lãi 40.000.000 đồng kể từ ngày 17/3/2022 đến ngày 30/3/2023, sau đó bà H1không trả gốc và lãi cho bà Hà. Do đó bà H khởi kiện yêu cầu bà H1phải thanh toán số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 01/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất là 3%/tháng.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thay đổi về phần lãi chỉ yêu cầu bà H1trả cho bà H tiền lãi là 0.83% tháng, tính từ ngày 01/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm trên số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Về phía bà H1từ khi thụ lý đến xét xử vụ án, bà H1đã được tòa án triệu tập để làm việc giải quyết vụ án nhưng bà H1vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến. Từ những chứng cứ có trong hồ sơ và hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 17/3/2022 có nội dung bà Nguyễn Thị H đồng ý cho bà Ngô Thị Bích H1vay số tiền là 300.000.00 đồng có ký tên và lăn tay mà nguyên đơn cung cấp và lời khai của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về việc vay tiền của bà Huệ. Hội đồng xét xử xét thấy việc bà H1có vay của bà H số tiền 300.000.000 đồng là có cơ sở. Việc bà H1không trả nợ đúng hạn đã vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự thì: *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn".* Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Hà, buộc bà H1trả cho số tiền vay là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) cho bà Hà.

[4.2]. Về lãi suất: Trong đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 01/4/2023 đến khi xét xử sơ thẩm với lãi suất là 3%/tháng. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi về phần lãi, chỉ yêu cầu bà H1trả lãi 0.83%/

tháng tính từ ngày 01/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm trên số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy: Trong hợp đồng cho cá nhân vay tiền không có ghi về lãi suất, nhưng các bên có thỏa thuận với nhau về lãi suất là 3%/tháng và bà H1đã trả cho bà H được 40.000.000 đồng tiền lãi kể từ ngày vay là 17/3/2022 đến ngày 30/3/2023 điều đó đã được phía nguyên đơn thừa nhận. Việc thỏa thuận lãi và trả lãi là phù hợp không vượt quá lãi suất quy định. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi về phần lãi suất từ 3%/tháng xuống còn 0.83%/tháng. Việc thay đổi về phần lãi là tự nguyện và phù hợp với lãi suất mà ngân hàng nH nước quy định và có lợi cho bị đơn nên được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bà H1phải chịu lãi đối với số tiền 300.000.000 đồng. Cụ thể là 300.000.000 đồng x 08 tháng x 29 ngày x 0.83%/ tháng = 22.328.000 đồng (Hai mươi hai triệu, ba trăm hai mươi tám nghìn đồng). Như vậy, bà Ngô Thị Bích H1có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền vay gốc 300.000.000 đồng và tiền lãi 22.328.000 đồng. Tổng cộng là 322.328.000 đồng (Ba trăm hai mươi hai triệu, ba trăm hai mươi tám nghìn đồng).

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà H1phải chịu án phí theo qui định. Cụ thể: 322.328.000 đồng x 5% = 16.116.400 đồng (Mười sáu triệu, một trăm mười sáu nghìn, bốn trăm đồng).

[6]. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147, 228, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 154, 351, 353, 429, 463, 466, 468 và 557 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Ngô Thị Bích H1có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 322.328.000 đồng (Ba trăm hai mươi hai triệu, ba trăm hai mươi tám nghìn đồng), trong đó nợ gốc 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và lãi 22.328.000 đồng (Hai mươi hai triệu, ba trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 8.400.000 đồng (Tám triệu bốn trăm nghìn

đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước theo biên lai số 0012531, ngày 30/10/2023.

Bà Ngô Thị Bích H1phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 16.116.400 đồng (Mười sáu triệu, một trăm mười sáu nghìn, bốn trăm đồng).

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niên yết.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Chơn Thành;
- CCTHADS thị xã Chơn Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Ngọc